

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO, CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287 /QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghệ cao, khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng	2030 (dự kiến)
A	Các khu công nghiệp phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (2.412 ha)			
I	Các KCN đã thành lập		1.135,91	1.085,81
1	Khu công nghiệp Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	50,1	-
2	Khu công nghiệp Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	394	394
3	Khu công nghiệp Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	289,35	289,35
4	Khu công nghiệp Hòa Cầm	Quận Cẩm Lệ	149,84	149,84
5	Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng	Quận Liên Chiểu	132,6	132,6
6	Khu công nghiệp Hòa Cầm - giai đoạn 2 (đã có quyết định chấp thuận CTĐT)	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	120,02	120,02
II	Các KCN có trong quy hoạch		695,6	637,02
1	Khu công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	237,00	237,00
2	Khu công nghiệp Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	400,02	400,02
3	Khu công nghiệp hỗ trợ Khu Công nghệ cao	Huyện Hòa Vang	58,53	-
III	KCN quy hoạch mới (bổ sung)			456,42
1	KCN Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	-	456,42
	Tổng cộng		1.831,46	2.179,25
B	Khu Công nghệ cao phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ			
1	Khu công nghệ cao	Huyện Hòa Vang	1.128,4	1.130
C	Dự kiến mở rộng khu công nghệ cao khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đảm bảo các điều kiện theo quy định			
1	Mở rộng khu công nghệ cao (đã thành lập)	Huyện Hòa Vang		1.710

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, khu công nghệ cao sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287 /QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghệ thông tin tập trung	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)	
			Hiện trạng	2030 (dự kiến)
I	Các khu đang hoạt động			
1	Khu Công nghệ thông tin tập trung Công viên phần mềm Đà Nẵng	Quận Hải Châu	1,088	1,088
2	Khu Công nghệ thông tin tập trung	Huyện Hòa Vang	131,093	131,093
3	Khu Công nghệ thông tin tập trung - Khu phức hợp Văn phòng FPT	Quận Ngũ Hành Sơn	5,93	5,93
II	Các khu đang xây dựng			
1	Khu Công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)	Quận Hải Châu		2,857
III	Một số khu dự kiến quy hoạch mới			
1	Không gian sáng tạo phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ		17,298
2	Tòa nhà Viettel Đà Nẵng	Quận Hải Châu		1,076
3	Khu Công nghệ thông tin DanangBay	Quận Liên Chiểu		3,519
	Tổng cộng			162,864

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Khu Công nghệ thông tin tập trung sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ ĐÀ
NẰNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287 /QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)			Tiến độ đầu tư dự kiến
			2020	Đến năm 2030	Sau năm 2030	
I	Cụm công nghiệp hiện có		39,59	29,09	29,09	
1	Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng	Huyện Hòa Vang	29,59	-	-	
2	Cụm công nghiệp Cẩm Lệ	Quận Cẩm Lệ	10,0	29,09	29,09	2021-2030
II	Cụm công nghiệp quy hoạch mới		-	503,8	728,8	
1	Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	-	13,29	13,29	2023-2030
2	Cụm công nghiệp Sơn Trà	Quận Sơn Trà		50,63	50,63	2023-2030
3	Cụm công nghiệp Hòa Liên (*)	Huyện Hòa Vang	-	58,53	58,53	2023-2030
4	Cụm công nghiệp Hòa Liên 2	Huyện Hòa Vang	-	50,0	50,0	2023-2030
5	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	-	24,75	24,75	2023-2030
6	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 1 (Cụm công nghiệp Chế biến thực phẩm)	Huyện Hòa Vang	-	44,0	44,0	2023-2030
7	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 2	Huyện Hòa Vang	-	75,0	75,0	2023-2030
8	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 3	Huyện Hòa Vang	-	46,0	46,0	2023-2030
9	CCN Sản xuất thô đá mỹ nghệ Non Nước	Huyện Hòa Vang	-	47,0	47,0	2023-2030
10	CCN Sản xuất vật liệu xây dựng	Huyện Hòa Vang	-	75,0	75,0	2023-2030
11	Cụm công nghiệp Nam Sơn	Huyện Hòa Vang	-	19,6	19,6	2023-2030
12	Cụm công nghiệp Nam Sơn 2	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031-2050
13	Cụm công nghiệp Hòa Vang 1	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031-2050
14	Cụm công nghiệp Hòa Vang 2	Huyện Hòa Vang	-	-	75,0	2031-2050
	Tổng cộng		39,59	532,89	757,89	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

(*) Hình thành trên cơ sở chuyển đổi từ KCN hỗ trợ Khu CNC (Khu phụ trợ phục vụ Khu CNC Đà Nẵng)

Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU THỂ THAO, SÂN GÔN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến
I	Các khu thể thao		
1.1	Các khu hiện có		
1	Cải tạo, nâng cấp Bể bơi thành tích cao	Quận Hải Châu	8.871 m ²
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà tập võ Taekwondo	Quận Hải Châu	9.555 m ²
3	Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	28,7 ha
1.2	Các khu dự kiến đầu tư xây dựng mới		
1	Trung tâm huấn luyện và đào tạo Taekwondo khu vực miền Trung tại thành phố Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2 ha
2	Trung tâm thể thao chất lượng cao tại Khu vực Tây Bắc thành phố	Quận Liên Chiểu	2 ha
3	Câu lạc bộ thể thao biển	Quận Ngũ Hành Sơn	26.215 m ²
4	Tổ hợp thể thao, giải trí và thương mại Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	34 ha
5	Trường đua ngựa	Huyện Hòa Vang	42,5 ha
6	Trung tâm huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2 ha
II	Các sân golf		
2.1	Các khu đang thực hiện		
1	Bà Nà Hills Golf Club	Huyện Hòa Vang	165 ha
2	BRG Da Nang Golf Resort	Q. Ngũ Hành Sơn	200 ha
3	BRG Golf Club	Q. Ngũ Hành Sơn	150 ha
2.2	Các khu vực tiềm năng dự kiến phát triển sân golf		
1	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hồ Hòa Trung	Huyện Hòa Vang	200 ha
2	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Liên - Hòa Bắc	Huyện Hòa Vang	200 ha
3	Khu phức hợp khách sạn, sân golf Hòa Phong - Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	551 ha
4	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Phú - Hòa Nhơn (cuối tuyến Bà Nà - Suối Mơ)	Huyện Hòa Vang	270 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chỉ tiêu phân bổ đất đai đã được duyệt và đảm bảo yếu tố quốc phòng, an ninh. Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 5.1: Các tuyến đường bộ đối ngoại

TT	Tuyến đường trong địa phận TP Đà Nẵng	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km) ⁽¹⁾	Quy mô tối thiểu (làn xe)	Lộ trình đầu tư		
						2022-2025	2026-2030	Sau 2030
I	Cao tốc Bắc Nam (CT.01)							
1	La Sơn (Thừa Thiên Huế) - Hòa Liên (Đà Nẵng)	Giáp huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	29,7	6		MR (4 làn)	MR (6 làn)
2	Hòa Liên - Túy Loan (Đà Nẵng)	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	12,3	6	MR (4 làn)		MR (6 làn)
3	Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Giáp thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	7,8	6			MR
II	Cao tốc Đà Nẵng - Kon Tum (CT.21)	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cửa khẩu Bờ Y, tỉnh Kon Tum	3,5	4			XM
III	Quốc lộ 1A	Quận Liên Chiểu	Huyện Hòa Vang	37,2	4-6			
IV	Quốc lộ 14B			32,1	6			
	Đoạn Km0+00 (Cảng Tiên Sa) - Km24+100	Cảng Tiên Sa, quận Sơn Trà	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, huyện Hòa Vang	24,1	6			
	Đoạn Km24+100 - Km32+126 (giáp Quảng Nam)	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, huyện Hòa Vang	Giáp huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	8	4-6	MR		

TT	Tuyến đường trong địa phận TP Đà Nẵng	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km) ⁽¹⁾	Quy mô tối thiểu (làn xe)	Lộ trình đầu tư		
						2022-2025	2026-2030	Sau 2030
V	Quốc lộ 14G	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	Giáp huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	25	2		MR	
VI	Vành đai phía Nam				4-6			
	Cầu Cỏ Cò - QL. 1A	Đường Trường Sa, quận Ngũ Hành Sơn	Quốc lộ 1, huyện Hòa Vang	7,7	6		MR	
	QL.1A - QL.14B	Quốc lộ 1, huyện Hòa Vang	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	6,4	6		MR	
VII	Vành đai phía Tây	Quốc lộ 14B, huyện Hòa Vang	Đường cao tốc đoạn Hòa Liên - Túy Loan, huyện Hòa Vang	21	4-6	XM		

(1): Chỉ tính chiều dài dự kiến trong địa phận thành phố Đà Nẵng

MR: Mở rộng; XM: Xây mới

Bảng 5.2. Dự án đầu tư cải tạo và xây dựng đường bộ theo giai đoạn

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kỳ đầu tư	Phương án
I	Đường trục chính đô thị				
1	Vành đai Tây 2	Đường 601	ĐT605	2021-2030	Làm mới
2	Vành đai Tây 1	Nguyễn Tất Thành nối dài	Lê Văn Hiến	2021-2030	Làm mới Cải tạo, mở rộng
3	Vành đai phía Tây	Đường HCM	QL14B	2021-2030 2031-2045	Làm mới Cải tạo, mở rộng
4	Hòa Phước - Hòa Khương	QL14B	QL1	2031-2045	Cải tạo, mở rộng
5	ĐT 605	Vành đai Tây 2	Giáp Quảng Nam	2021-2030	Cải tạo, mở rộng
6	Bà Nà Suối Mơ Nối Dài	Bà Nà Suối Mơ	Vành đai phía Tây	2021-2030	Làm mới
7	Đường nối Vành đai Tây 2 tới cao tốc	Vành Đai Tây 2	Cao tốc Đà Nẵng -	2031-2045	Làm mới

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kì đầu tư	Phương án
			Quảng Ngãi		
8	Tuyến ngầm xuyên sân bay bằng hầm đường bộ	Vành đai tây 2	Duy Tân	2021-2030	Làm mới
9	Đường Võ Chí Công nối dài	Võ Chí Công	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2021-2030	Làm mới
II	Đường chính đô thị				
10	Đường nối từ Đường số 2 khu CN Hòa Khánh qua nghĩa trang thành phố và ga Đà Nẵng mới	Đường số 2 KCN Hòa Khánh	Đường vành đai Tây 1	2021-2030	Làm mới
III	Đường liên khu vực dự kiến (*)				
11	Đường giữa Vành đai tây và Vành đai tây 1	Đường Trung Tâm	Vành đai tây	2021-2030	Làm mới
12	Nguyễn Sinh Sắc nối dài	QL1	Hoàng Văn Thái	2021-2030	Làm mới
13	Lê Trọng Tấn	QL1	Vành đai tây 2	2021-2030	Cải tạo, mở rộng
14	Lê Trọng Tấn	Vành đai tây 2	Hoàng Văn Thái	2021-2030	Cải tạo, mở rộng
15	Đường kết nối QL14B với KCN Hòa Nhơn	QL14B	KCN Hòa Nhơn	2021-2030	Làm mới
16	Đường kết nối Vành đai tây 1 với KCN Hòa Nhơn	Vành đai tây 1	KCN Hòa Nhơn	2021-2030	Làm mới
17	Đường 3/2 kéo dài	Nguyễn Tất Thành	Biển	2021-2030	Làm mới
18	Đống Đa nối Lê Duẩn	Đống Đa	Lê Duẩn	2021-2030	Làm mới
19	Hầm qua sông Hàn	Đống Đa	Vân Đồn	2031-2045	Làm mới
20	Nguyễn Phước Lan nối dài	Mai Đăng Chơn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2021-2030	Làm mới
21	Đường Ngô Xuân Thu	QL1	Đường ven sông Cu Đê	2021-2030	Cải tạo, mở rộng
22	Đường Ngô Xuân Thu nối dài đi xã Hòa Bắc	Đường ven sông Cu Đê	ĐT 601	2021-2030	Làm mới, cải tạo, mở rộng
IV	Đường gom cho cao tốc				
23	Đường gom hai bên cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Nút giao 14B	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang (giáp Quảng Nam)	2021-2030	Làm mới
V	Đường nối vào các cảng biển, cảng cạn và trung tâm logistics				
24	Đường nối vào cảng Liên Chiểu từ QL1A	QL1A	Cảng Liên Chiểu	2030-2050	Làm mới
25	Đường nối vào các trung tâm logistics và cảng cạn	Theo phương án và tiến độ đầu tư các trung tâm logistics			Làm mới,

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Phân kì đầu tư	Phương án
					cải tạo, mở rộng

Ghi chú: (*) Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

Bảng 5.3. Các nút giao thông chính khác mức

TT	Tên nút giao	Kiểu giao cắt
	Giao cắt đường bộ và đường sắt quốc gia quy hoạch	
1	Nút giao đường sắt với đường Vành đai Tây	Đường sắt với đường trực chính
2	Nút giao đường sắt với đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Đường sắt với đường trực chính
3	Nút giao đường sắt với ĐT 602	Đường sắt với đường trực chính
4	Nút giao đường sắt với đường trục nối với KCN Hòa Khánh	Đường sắt với đường trực chính
5	Nút giao đường sắt với đường Hoàng Văn Thái	Đường sắt với đường trực chính
6	Nút giao đường sắt với đường nối từ QL14B đến Tuyến đường Vành đai Tây 1	Đường sắt với đường trực chính
7	Nút giao đường sắt với QL14B	Đường sắt với đường trực chính
8	Nút giao đường sắt với đường nối từ KCN Hòa Cầm đến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (đường Hòa Cầm 1)	Đường sắt với đường trực chính
9	Nút giao đường sắt với Tuyến đường Vành đai Tây 1	Đường sắt với đường trực chính
10	Nút giao đường sắt với ĐT 605	Đường sắt với đường trực chính
11	Nút giao đường sắt với đường Hòa Phước - Hòa Khương	Đường sắt với đường trực chính
12	Giao giữa tuyến Đường sắt Đà Nẵng - Kon Tum với Vành đai phía Nam	Đường sắt với đường vành đai

Bảng 5.4. Danh sách các tuyến MRT và LRT

TT	Ký hiệu/tên gọi tuyến	Hướng tuyến dự kiến
1	MRT1	Bến xe phía Bắc (quy hoạch) - Nguyễn Tất Thành nối dài - KCN Hòa Khánh - Vành đai Tây 2 - đi ngầm qua sân bay Đà Nẵng - Nguyễn Hữu Thọ - Nguyễn Tri Phương (Công viên 29.3) - Lê Duẩn - Điểm trung chuyển trung tâm (ga Đà Nẵng hiện tại)
2	MRT2	Cao đẳng Việt Hàn - đường Trần Đại Nghĩa - đường Lê Văn Hiến - đường Ngũ Hành Sơn - đường Ngô Quyền - đường Trần Thánh Tông - qua sông Hàn - Cảng sông Hàn - Đống Đa - điểm trung chuyển trung tâm (Ga Đà Nẵng hiện tại)
3	LRT1	Công viên 29.3 - Hùng Vương - chợ Hàn
4	LRT2	Duy Tân - qua sông Hàn - Nguyễn Văn Thoại - Bãi biển Mỹ Khê
5	LRT3	Ga Đà Nẵng mới - đường số 2 KCN Hòa Khánh - biển Nguyễn Tất Thành
6	LRT4	CHKQT Đà Nẵng - Nguyễn Văn Linh - sông Hàn - Võ Văn Kiệt - bãi biển Mỹ Khê
7	LRT5	Ngã 3 đường sắt quốc gia gần hồ Bàu Tràng - QL1A phía Tây sân bay - đường Trường Chinh - QL1A - Bến xe phía Nam hiện tại
8	LRT6	Bến xe phía Tây Nam quy hoạch - trung tâm hành chính huyện Hòa Vang - QL14B - đường 2/9 - chân cầu Trần Thị Lý
9	LRT 07	Ga Đà Nẵng hiện tại - đường sắt quốc gia hiện tại - ngã 3 Huế - đường Hoàng Thị Loan - bám theo đường sắt quốc gia hiện tại - Khu đô thị cảng Liên Chiểu
10	LRT 08	Nút giao đường Nguyễn Hữu Thọ với Duy Tân - đường Võ Chí Công - khu vực Bãi tắm Tân Trà (đường Trường Sa)
11	LRT 09	Cuối đường Nguyễn Tất Thành (kết nối với tuyến LRT06 và tuyến du lịch ven vịnh Đà Nẵng) - Nguyễn Tất Thành nối dài đi qua Khu CNTT tập trung - dọc tuyến đường quy hoạch giữa đường cao tốc Quốc gia và đường Vành Đai Tây - Trung tâm hành chính Hòa Vang - Khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân - Minh Mạng
12	LRT 10	Khu đô thị du lịch Bà Nà - đường Bà Nà Suối Mơ - ga Đà Nẵng (quy hoạch) - đường Hoàng Văn Thái - đường Nguyễn Sinh Sắc - Bờ biển Nguyễn Tất Thành
13	LRT 11	Bến xe phía Nam - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Cao đẳng Việt Hàn
14	LRT du lịch sông Hàn	Bạch Đằng - cảng sông Hàn - qua sông Hàn - Vân Đồn - Trần Hưng Đạo - qua sông Hàn (song song cầu Trần Thị Lý) - đường 2/9 - Bạch Đằng
15	LRT du lịch bờ biển Mỹ Khê - Phạm Văn Đồng	Nút giao Võ Quý Huân với Trường Sa - Trường Sa - Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa - Lê Đức Thọ - Yết Kiêu - cảng Tiên Sa
16	LRT du lịch bờ biển Nguyễn Tất Thành	Nút giao đường Nguyễn Tất Thành nối dài với Nguyễn Tất Thành - dọc bờ biển Nguyễn Tất Thành - đường 3.2

Bảng 5.5. Danh sách các ga trung chuyển chính của hệ thống MRT và LRT

a) Danh sách các điểm trung chuyển cấp 1 của mạng lưới MRT, LRT

TT	Tên điểm trung chuyển	Vị trí dự kiến	Các tuyến LRT chạy qua
1	Ga trung chuyển Trung tâm	Ga Đà Nẵng hiện tại (sau khi di dời). Bố trí nổi, ngầm	MRT02, LRT 07
2	Ga trung chuyển Cảng sông Hàn	Đường Như Nguyệt cạnh Cảng sông Hàn. Bố trí nổi, ngầm	MRT02, tuyến vận tải du lịch mặt đất số 2, các tuyến vận tải hành khách đường thủy nội địa (tuyến du lịch, nội tỉnh và liên tỉnh đi Quảng Nam)
3	Ga trung chuyển CV 29/3 (đi Cảng HKQT Đà Nẵng)	Gần nút giao Nguyễn Tri Phương - Nguyễn Văn Linh	MRT 02, LRT 08 trung chuyển với MRT 01 đi Cảng HKQT Đà Nẵng.
4	Ga trung chuyển Ga hành khách Đà Nẵng mới	Bố trí 01 tuyến vận tải kết nối ga Đà Nẵng mới với nhà ga tuyến LRT10 tại vị trí gần giao cắt đường Bà Nà - Suối Mơ với đường AH1	Ga MRT1 và LRT4 kết nối với Nhà ga nội địa và quốc tế quy hoạch
5	Ga trung chuyển tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	(1) Ga điểm đầu tuyến LRT4 kết nối vào Nhà ga quốc tế mới. Vị trí dưới bãi đỗ xe trước ga hành khách nội địa hiện nay (2) Ga điểm đầu tuyến LRT4 kết nối vào nhà ga nội địa mới. Vị trí ngay trước khi tuyến MRT1 ra khỏi ranh giới phía Đông sân bay	LRT03, LRT 10 kết nối ga Đà Nẵng mới

b) Danh sách các điểm trung chuyển cấp 2 và 3 của mạng lưới MRT, LRT

TT	Tên điểm trung chuyển
Điểm trung chuyển cấp 2	
1	MRT1 với BX phía Bắc
2	MRT1 với LRT 9
3	MRT1 với LRT 3
4	MRT1 với LRT 10
5	MRT1 với LRT 5
6	MRT1 với LRT 2
7	MRT1 với LRT 4
8	MRT1 với LRT 1
9	MRT2 với LRT du lịch ven biển Mỹ Khê
10	MRT2 với LRT 4
11	MRT2 với LRT 2
12	MRT2 với LRT 9
13	MRT2 với LRT 11

TT	Tên điểm trung chuyển
Điểm trung chuyển cấp 3	
1	LTR 1 với LRT du lịch ven sông Hàn
2	LTR 4 với LRT du lịch ven sông Hàn
3	LTR 2 với LRT 8
4	LTR 2 với LRT du lịch ven sông Hàn
5	LTR 2 với LRT 6
6	LTR 2 với LRT 8
7	LTR 2 với LRT 9
8	LTR 2 với LRT du lịch ven biển Mỹ Khê
9	LTR 3 với LRT 7
10	LTR 3 với LRT 9
11	LTR 5 với LRT 6
12	LTR 5 với LRT 7
13	LTR 5 với LRT 9
14	LTR 6 với LRT 8
15	LTR 6 với LRT 9
16	LTR 7 với LRT 9
17	LTR 7 với LRT 10
18	LTR 9 với LRT 10
19	LTR 10 với LRT du lịch ven biển NTT

c) Danh sách các depot của các tuyến MRT, LRT

TT	Số hiệu tuyến	Dự kiến nhu cầu đất (ha)	Ghi chú
1	MRT01	25,0	Depot đặt gần Bến xe phía Bắc
2	MRT02	25,0	Depot đặt gần Trường đại học Việt Hàn
3	LRT01	0,5	Depot đặt gần nút giao Nguyễn Chí Thanh - Hùng Vương
4	LRT02	1,0	Depot đặt chân cầu Trần Thị Lý bờ Đông sông Hàn
5	LRT03	3,0	Depot đặt tại điểm cuối tuyến (xã Hòa Nhơn)
6	LRT04	1,0	Depot đặt tại khu đất trống giao Nguyễn Văn Linh - Man Thiện
7	LRT05	15,0	Depot đặt gần Bến xe phía Nam
8	LRT11	1,0	
9	LRT06	20,0	Depot đặt gần Bến xe phía Tây Nam
10	LRT07	15,0	Depot đặt tại KCN Liên Chiểu
11	LRT08	15,0	Depot đặt gần Trường đại học Việt Hàn
12	LRT09	30,0	Depot đặt tại xã Hòa Nhơn
13	LRT10	15,0	Depot đặt gần Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ
14	LRT du lịch 2 bờ sông Hàn	5,00	Depot đặt gần chân cầu Thuận Phước (bờ Tây)
15	LRT du lịch dọc bờ biển Nguyễn Tất Thành (N02)	6,00	Depot đặt gần chân cầu Thuận Phước (bờ Tây)
16	LRT du lịch dọc bờ biển Mỹ Khê - Phạm Văn Đồng (N01)	8,00	Depot đặt trong khu đất cảng Tiên Sa (quy hoạch chuyển đổi thành cảng khách quốc tế)
	Tổng	185,5	

Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 6.1. Quy hoạch luồng tuyến phát triển cảng thủy nội địa

TT	Tên sông	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật	
			Hiện trạng	Năm 2030
1	Sông Hàn (đoạn từ cửa sông Hàn đến hạ lưu cầu sông Hàn)	4	I	I
2	Sông Hàn (đoạn từ hạ lưu cầu sông Hàn đến cầu Nguyễn Văn Trỗi)	2,4	III	III
3	Sông Hàn (đoạn từ cầu Nguyễn Văn Trỗi đến ngã ba sông Hàn - Vĩnh Điện - Cẩm Lệ)	3	IV	IV
4	Sông Vĩnh Điện	10,3	V	V định hướng IV
5	Sông Cẩm Lệ	8,7	V	V
6	Sông Túy Loan	14,1	VI	VI
7	Sông Yên	6,1		VI
8	Sông Quá Giáng (Bàu Sáu)	2,3		VI
9	Sông Cu Đê	39,7	V	V
10	Sông Cỏ Cò (đoạn từ ngã ba Vĩnh Điện, Cỏ Cò đến hạ lưu chùa Quan Âm)	3,5	V	V
11	Sông Cỏ Cò (đoạn từ hạ lưu chùa Quan Âm đến điểm cuối sông)	4,8	VI	V

Bảng 6.2. Danh sách cảng, bến hành khách đường thủy nội địa dự kiến

TT	Tên bến thủy nội địa	Địa điểm dự kiến
I	Tuyến du lịch sông Hàn: 11 vị trí	
1	Bến du thuyền quốc tế Thuận Phước	Quận Sơn Trà
2	Bến du thuyền quốc tế Đa Phước	Quận Hải Châu
3	Bến du thuyền tại khu vực dự án BĐS và bến du thuyền Đà Nẵng - Marina Complex	Quận Sơn Trà
4	Bến tại khu vực dự án Olalani Riverside Tower	Quận Sơn Trà
5	DHC-MARINA bến du thuyền và câu lạc bộ thể thao dưới nước (đã xây dựng)	Quận Sơn Trà
6	Bến/ Cầu tàu tại khu vực Khu dịch vụ du lịch ven sông Hàn	Quận Sơn Trà
7	Khu vực hợp Bến cảng du thuyền sông Hàn	Quận Hải Châu
8	Cảng sông Hàn	Quận Hải Châu
9	Cảng phía Tây cầu Nguyễn Văn Trỗi	Quận Hải Châu
10	Bến thuyền tại khu công viên chuyên đề văn hóa và vui chơi giải trí kết hợp thương mại dịch vụ phía Đông Nam Đài tưởng niệm	Quận Hải Châu
11	Bến thuyền tại dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ kết hợp ở phục vụ Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn
II	Tuyến du lịch sông Cu Đê - sông Trường Định: 05 vị trí	
12	Khu vực phía Bắc cầu Nam Ô	Quận Liên Chiểu
13	Khu vực bến Hàm Vàng trên tuyến sông Cu Đê cách cầu Nam Ô khoảng 1 km (cuối đường Ngô Xuân Thu)	Quận Liên Chiểu

TT	Tên bên thủy nội địa	Địa điểm dự kiến
14	Khu vực dự án Golden Hills City	Quận Liên Chiểu
15	Khu vực dự án Golden Hills City mở rộng	Huyện Hòa Vang
16	Khu vực Khe Rằm, xã Hòa Bắc (định hướng du lịch tắm, thăm quan suối Khe Rằm)	Huyện Hòa Vang
III	Tuyến du lịch sông Cổ Cò - Sông Cái (Sông Vĩnh Điện): 13 vị trí	
17	Khu vực khu di tích lịch sử làng văn hóa K20	Quận Ngũ Hành Sơn
18	Cầu tàu tại khu vực chùa Quan Thế Âm thuộc khu công viên văn hóa lịch Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn
19	Khu vực khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn
20	Khu vực khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ
21	Khu vực Khu nghỉ dưỡng cho người cao tuổi theo tiêu chuẩn Nhật Bản (phía Đông sông Vĩnh Điện đoạn giáp Quảng Nam)	Quận Ngũ Hành Sơn
22	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.1	Quận Ngũ Hành Sơn
23	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.2	Quận Ngũ Hành Sơn
24	Cầu tàu tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.3	Quận Ngũ Hành Sơn
25	Bến thuyền tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.4	Quận Ngũ Hành Sơn
26	Bến thuyền tại khu vực KĐT ven sông Hòa Quý - Đồng Nò N4.5	Quận Ngũ Hành Sơn
27	Cầu tàu tại khu vực khu mở rộng Khu đô thị ven sông Hoà Quý - Đồng Nò về phía Đông	Quận Hành Sơn
28	Bến khu vực cầu Cổ Cò mới đường Võ Quý Huân	Quận Ngũ Hành Sơn
29	Bến tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 1 tại chân cầu Bùi Tá Hán)	Quận Cẩm Lệ
IV	Tuyến du lịch sông Cẩm Lệ - Sông Túy Loan - sông Yên: 10 vị trí	
30	Khu vực Trung tâm hội chợ triển lãm	Quận Cẩm Lệ
31	Khu vực làng Phong Lệ	Quận Cẩm Lệ
32	Khu vực Cẩm Nê, xã Hòa Tiến	Huyện Hòa Vang
33	Khu vực khu di tích đình làng Túy Loan	Huyện Hòa Vang
34	Khu vực khu du lịch Thái Lai (đã xây dựng)	Huyện Hòa Vang
35	Khu vực Bara An Trạch - xã Hòa Khương	Huyện Hòa Vang
36	Khu vực vùng rau Túy Loan	Huyện Hòa Vang
37	Khu vực chùa Quang Hưng	Huyện Hòa Vang
38	Khu bến tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 2 tại Công viên Bãi Chuối)	Quận Cẩm Lệ
39	Cầu tàu tại dự án Khu Đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân (vị trí 3 tại khu thể thao)	Quận Cẩm Lệ
V	Khu vực vịnh Đà Nẵng: 04 vị trí	
40	Khu vực khu du lịch Làng Vân	Quận Liên Chiểu
41	Khu vực bãi Sừng Cò	Quận Liên Chiểu
42	Khu vực bãi Mả Đa	Quận Liên Chiểu
43	Khu vực Xuân Thiều	Quận Liên Chiểu
VI	Tuyến du lịch xung quanh Bán đảo Sơn Trà: 19 vị trí ký hiệu từ T1 đến T10; từ X16 đến X22; N9 (Bến du thuyền cảng Tiên Sa) và N10 (Bến du thuyền khu nghỉ dưỡng Inter Continental)	
VII	Khu vực tránh trú bão cho các tàu du lịch: 02 vị trí	
63	Khu neo đậu bờ hữu cầu Nguyễn Tri Phương	Quận Cẩm Lệ
64	Khu neo đậu vực sông Cổ Cò (Thượng lưu X5- Đồng Nò)	Quận Ngũ Hành Sơn

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 7.1. Nguồn cấp điện tiềm năng

TT	Nguồn điện	Công suất (MW)	Địa điểm
1	Năng lượng mặt trời mái nhà	1.138	Toàn thành phố
2	Năng lượng sinh khối	15	Khu công nghiệp Liên Chiểu (đã được phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 về điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)
3	Năng lượng từ xử lý chất thải rắn	18	Bãi rác Khánh Sơn, Quận Liên Chiểu (đã được phê duyệt tại Quy hoạch điện VII điều chỉnh)
		36	Khu xử lý chất thải rắn TP. Đà Nẵng
4	Điện gió gần bờ và ngoài khơi	500	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn

Ghi chú: Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

Bảng 7.2. Lưới điện

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô, công suất dự kiến giai đoạn 2021-2030
I	Lưới điện 500kV		
1	TBA 500kV		
	Cải tạo, nâng công suất	trạm/máy/MVA	900MVA→1800MVA
2	Đường dây 500kV	km	
	Xây dựng mới	km	37,2
II	Lưới điện 220kV		
1	TBA 220kV		
	Xây dựng mới	trạm/máy/MVA	04/04/1.000MVA
	Cải tạo	trạm/máy/MVA	02/02/500MVA
2	Đường dây 220kV cải tạo, xây dựng mới	km	
	Xây dựng mới	km	43,4
	Cải tạo	km	23
III	Lưới điện 110kV		
1	TBA 110kV		
	Xây dựng mới		
	Số TBA	TBA	10
	Công suất	MVA	733

TT	Nội dung	Đơn vị	Quy mô, công suất dự kiến giai đoạn 2021-2030
	Cải tạo		
	Số TBA	TBA	12
	Công suất	MVA	665
2	Đường dây 110kV cải tạo, xây dựng mới		
	Xây dựng mới	km	59,43

Bảng 7.3. Trạm biến áp, đường dây 500 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến giai đoạn 2021-2030
A	Trạm biến áp 500kV		
1	Cải tạo trạm 500kV Đà Nẵng, thay 02 MBA 450MVA bằng 02 MBA 900MVA	MVA	1.800
B	Xây mới đường dây 500kV		
1	Quảng Trạch - Dốc Sỏi	Km	2x30,4
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Km	2x6,8

Bảng 7.4. Trạm biến áp, đường dây 220 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021-2030	2031-2050
A	Trạm biến áp 220 kV			
I	Xây mới		1.000	
1	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 1	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 1	MVA	250	
3	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 1	MVA	250	
4	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 1	MVA	250	
II	Cải tạo		500	750
1	Trạm 220 kV Ngũ Hành Sơn, máy 2	MVA	250	
2	Trạm 220 kV Hải Châu, máy 2	MVA		250
3	Trạm 220 kV Sân bay Đà Nẵng, máy 2	MVA		250
4	Trạm 220 kV Liên Chiểu, máy 2	MVA	250	
5	Trạm 220 kV Tiên Sa, máy 2	MVA		250
B	Đường dây 220 kV			
I	Xây mới		43,4	9
1	Hải Châu - Hòa Khánh	km	2x9,9	
2	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x10,5	
3	Liên Chiểu - rẽ Hòa Khánh - Huế	km	4x3	
4	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	km	2x8	
5	Tiên Sa (An Đôn) - rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	km	2x4	
6	Hòa Khánh - rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	km		2x1
	Xây mới nâng khả năng tải và cấp điện ngoài tỉnh đi qua địa bàn Đà Nẵng			
7	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	2x8	
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	km		2x8
II	Cải tạo, nâng tiết diện	km	23	
1	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	km	2x15	
2	Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	km	2x8	

Bảng 7.5. Trạm biến áp, đường dây 110 kV

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021-2030	2031-2050
A	Trạm 110kV			
I	Xây dựng mới		733	630
1	Chi Lăng	MVA	126	
2	Thuận Phước	MVA	63	
3	Cảng Tiên Sa	MVA	40	
4	Hòa Phong	MVA	63	
5	NM Thép Đà Nẵng	MVA	63	
6	Cảng Liên Chiểu	MVA	63	
7	Khuê Trung	MVA	63	
8	Hòa Khánh Nam	MVA	126	
9	Thọ Quang	MVA	63	
10	Sân bay Đà Nẵng	MVA	63	
11	Hòa Hải	MVA		63
12	Hòa Liên 2	MVA		63
13	Hòa Nhơn	MVA		63
14	Làng Vân	MVA		126
15	An Hải	MVA		63
16	Hòa Châu	MVA		63
17	Hòa Sơn	MVA		63
18	Phước Lý	MVA		63
19	Công viên 29/3	MVA		63
II	Cải tạo		585	693
1	An Đồn, mở rộng 01 ngăn lộ 110kV	MVA		
2	Thuận Phước, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
3	Khuê Trung, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
4	Quận 3, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
5	Liên Chiểu, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng 2 máy biến áp 63MVA	MVA	46	
6	Cầu Đỏ, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
7	NM Thép Đà Nẵng, lắp máy 2-63MVA	MVA	63	
8	Ngũ Hành Sơn, thay máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	23	
9	Cảng Tiên Sa - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	
10	Hòa Xuân - Lắp máy 2-40MVA - Thay 02 máy biến áp 40MVA bằng 02 máy biến áp 63MVA	MVA	40 46	
11	Hòa Liên, thay 2 máy biến áp 40MVA bằng máy biến áp 63MVA	MVA	46	
12	Hòa Phong, lắp máy 2	MVA	63	
13	Sân bay Đà Nẵng	MVA		63
14	Thọ Quang, lắp máy 2	MVA		63
15	Cảng Liên Chiểu	MVA		63
16	Hòa Hải, lắp máy 2	MVA		63

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021-2030	2031-2050
17	An Hải, lắp máy 2	MVA		63
18	Hòa Nhơn, lắp máy 2	MVA		63
19	Hòa Liên 2, lắp máy 2	MVA		63
20	Hòa Châu, lắp máy 2	MVA		63
21	Hòa Sơn, lắp máy 2	MVA		63
22	Phước Lý, lắp máy 2	MVA		63
23	Công viên 29/3, lắp máy 2	MVA		63
B	Đường dây 110kV			
I	Xây dựng mới	km	60,63	23,1
1	Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x3,1	
2	An Đồn - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x4,9	
3	Thuận Phước - Cảng Tiên Sa, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x9,6	
4	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Phong	km	2x0,03	
5	Nhánh rẽ trạm Hòa Liên, tuyến thứ 2	km	2x2,2	
6	Nhánh rẽ trạm 220kV Hải Châu vào tuyến cáp ngầm 110kV Xuân Hà - Chi Lăng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,5	
7	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Hải Châu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x5	
8	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu đến trạm biến áp 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x4,0	
9	Xuất tuyến 110kV sau trạm biến áp 220kV Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x1,0	
10	Quận 3 - Điện Nam - Điện Ngọc	km	2x15	
11	Nhánh rẽ trạm 110kV Khuê Trung, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1	
12	Liên Chiểu - NM Thép Đà Nẵng	km	2x1,5	
13	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Khánh Nam, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1	
14	Tiên Sa (220kV) - Thọ Quang, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x6	
15	Nhánh rẽ trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,1	
16	Xuất tuyến trạm 110kV Sân bay Đà Nẵng, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	4x0,5	
17	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x4	
18	Nhánh rẽ trạm 110kV Cảng Liên Chiểu, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x1,2	
19	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Liên 2	km		2x0,1
20	Nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Hòa Nhơn	km		2x5
21	Nhánh rẽ trạm 110kV Làng Ván, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		4x3
22	Ngũ Hành Sơn (220kV) - An Hải, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x3
23	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Châu	km		2x1
24	Nhánh rẽ trạm 110kV Hòa Sơn	km		2x1
25	Hòa Liên (220kV) - Hòa Khánh Nam	km		2x6
26	Nhánh rẽ trạm 110kV Công viên 29/3, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x1
27	Sân bay Đà Nẵng - Phước Lý, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x3

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô đầu tư dự kiến	
			2021-2030	2031-2050
II	Cải tạo, nâng tiết diện	km	97,267	
1	Mạch 2 Quận 3 (Ngũ Hành Sơn) - An Đồn, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	1x4,9	
2	Mạch 2 Đà Nẵng - Đại Lộc	km	2x14,8	
3	Hòa Khánh - Hòa Khánh 2	km	2x1,862	
4	Cầu Đỏ - Hòa Khánh	km	2x11,2	
5	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Xuân Hà	km	2x4	
6	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ	km	2x15,5	
7	Nhánh rẽ vào trạm biến áp 110kV Liên Trì	km	2x4,4	
8	Cải tạo tuyến Điện Nam Điện Ngọc - Ngũ Hành Sơn (220kV)	km	2x14,6	
9	Ngầm hóa đoạn tuyến từ T413-T401 đường dây 110kV Huế-Đà Nẵng đi qua dự án Golden Hills city, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2,47	
10	Đà Nẵng - Điện Bàn	km	6,1	
11	Đà Nẵng - Điện Nam Điện Ngọc	km	15,3	
12	Dự án di dời, hạ ngầm đường dây 110kV Hòa Khánh 2 - Cầu Hai/Lăng Cô, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km	2x0,335	
13	Cải tạo, di dời, hạ ngầm đường dây 110kV nhánh rẽ Xuân Hà, cáp ngầm XLPE-1200mm ²	km		2x4
14	Hạ ngầm đường dây 110kV Quận Ba - An Đồn, đoạn từ trạm biến áp 110kV Quận Ba đến cột H60A và từ cột H62 đến cột H63	km	2x1,8	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500 kV, 220 kV, 110 kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦY LỢI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Mục tiêu
I	Trạm bơm cải tạo		
1	Cải tạo, sửa chữa trạm 02 bơm An Trạch, Bích Bắc	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sản xuất cho huyện Hòa Vang, quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn
II	Hồ cải tạo		
1	Nâng cấp đảm bảo an toàn hồ, nạo vét chống bồi lấp và tăng dung tích chứa 03 hồ Đồng Nghệ, Hòa Trung và Trước Đông	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho huyện Hòa Vang, các quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ
III	Hồ xây mới		
1	Xây dựng mới hồ chứa nước Sông Bắc (giai đoạn 2)	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho huyện Hòa Vang, quận Liên Chiểu
IV	Đập dâng		
1	Nâng cấp, sửa chữa đập dâng An Trạch, Hà Thanh	Huyện Hòa Vang	Cấp nước sản xuất cho huyện Hòa Vang và cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ thành phố Đà Nẵng

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
A	CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC	
I	Cải tạo, nâng cấp	
1	Nhà máy nước Cầu Đỏ	Quận Cẩm Lệ
2	Nhà máy nước Sân bay	Quận Hải Châu
3	Nhà máy nước Hòa Liên	Huyện Hòa Vang
4	Nhà máy nước Hòa Trung	Huyện Hòa Vang
5	Các nhà máy nước Suối Lương, Suối Đá, Suối Tinh	Quận Sơn Trà, Liên Chiểu
II	Xây dựng mới	
1	Nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông Vu Gia (nhánh sông An Trạch - Bàu Nít - Hà Thanh) hoặc sông Thu Bồn	Huyện Hòa Vang
2	Đầu tư xây dựng trạm bơm tại huyện Đại Lộc và tuyến ống chuyển dẫn nước thô để bơm, dẫn nước sông Thu Bồn về An Trạch	Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
B	CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
I	Cải tạo, nâng cấp	
1	Trạm xử lý nước thải Phú Lộc	Quận Thanh Khê
2	Trạm xử lý nước thải Sơn Trà	Quận Sơn Trà
3	Trạm xử lý nước thải Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn
4	Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ
5	Trạm xử lý nước thải Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu
II	Xây dựng mới	
1	Trạm xử lý nước thải Hòa Nhơn, Hòa Vang	Huyện Hòa Vang
2	Các trạm xử lý nước thải phân tán, cục bộ cho khu vực phía Tây Nam thành phố	Huyện Hòa Vang

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG, KHU
XỬ LÝ CHẤT THẢI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
A	Quy hoạch nhà tang lễ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng	
I	Hiện trạng, cải tạo, nâng cấp	
1	Nghĩa trang Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang
2	Nghĩa trang Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
3	Nghĩa trang Gò Cà	Huyện Hòa Vang
4	Nghĩa trang tại thôn An Châu, xã Hòa Phú	Huyện Hòa Vang
5	Nghĩa trang phục vụ giải tỏa dự án đường Hồ Chí Minh	Huyện Hòa Vang
6	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ đồng bào dân tộc Cơ Tu	Huyện Hòa Vang
7	Nhà tang lễ đường Quang Trung	Quận Hải Châu
8	Nhà tang lễ đường Lê Đại Hành	Quận Cẩm Lệ
9	Nhà tang lễ Quân khu V, đường Nguyễn Hữu Thọ	Quận Hải Châu
10	Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
II	Xây dựng mới	
1	Nhà hỏa táng mới tại nghĩa trang thôn An Châu, xã Hòa Phú	Huyện Hòa Vang
2	Nhà tang lễ nhân dân số 2 phường Hòa Minh	Quận Liên Chiểu
3	Nhà tang lễ tại khu đất dự trữ phát triển bệnh viện Đà Nẵng, phường Hòa Quý	Quận Ngũ Hành Sơn
4	Nhà tang lễ tại khu đất bệnh viện chất lượng cao - khu công nghiệp An Đồn	Quận Sơn Trà
5	Nhà tang lễ tại xã Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang
6	Nhà tang lễ tại bệnh viện định hướng xây dựng tại xã Hòa Sơn	Huyện Hòa Vang
7	Nhà tang lễ tại khu đất quy hoạch trụ sở khám bệnh chất lượng cao và trung tâm đào tạo cán bộ tại thành phố Đà Nẵng	Quận Cẩm Lệ
B	Khu xử lý chất thải rắn tập trung	
1	Các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt (công suất 1.800-2.000 tấn/ngày)	Quận Liên Chiểu
2	Các trạm trung chuyển rác tại các quận, huyện (công suất khoảng 500 tấn/ngày/trạm)	Các quận/huyện
3	Các nhà máy xử lý chất thải nguy hại (công suất khoảng 250-500 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
4	Hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố	Thành phố Đà Nẵng
5	Các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt (khoảng 1.000-2.000 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
6	Các nhà máy xử lý bùn thải (công suất khoảng 500 m ³ /ngày)	Thành phố Đà Nẵng
7	Các nhà máy xử lý chất thải rắn xây dựng (công suất khoảng 2.000 tấn/ngày)	Thành phố Đà Nẵng
8	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo một số hạng mục khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn giai đoạn 2 (Hộc rác số 7 tại khu vực bãi rác Khánh Sơn)	Quận Liên Chiểu
9	Khu chôn lấp tro xỉ	Quận Liên Chiểu

Ghi chú: Quy mô, công nghệ từng nhà máy do thành phố quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và phù hợp với pháp luật, quy định hiện hành.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số lượng	Địa điểm dự kiến
I	Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận	02	
II	Di tích cấp quốc gia	25	
1	Đã được công nhận	17	
2	Phấn đấu được công nhận mới (cấp quốc gia và cấp cao hơn)	08	Thành phố Đà Nẵng
III	Di tích cấp thành phố		
1	Đã được công nhận	65	
2	Phấn đấu được công nhận mới	20-25	Thành phố Đà Nẵng
IV	Di sản phi vật thể đã được công nhận	7	
V	Bảo vật quốc gia		
1	Đã được công nhận	6	
2	Phấn đấu được công nhận mới	1-2	Thành phố Đà Nẵng
VI	Danh mục dự án, thiết chế văn hóa cấp thành phố xây dựng mới thời kỳ 2021-2030		
1	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ hành Sơn	01	Quận Ngũ Hành Sơn
2	Di tích Thành Điện Hải	01	Quận Hải Châu
3	Công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải	01	Quận Sơn Trà
4	Bảo tàng Đà Nẵng tại 42, 44 Bạch Đằng, 31 Trần Phú	01	Quận Hải Châu
5	Cảnh quan hai bên bờ sông Hàn và dự án chiếu sáng nghệ thuật “Dòng sông ánh sáng”	01	Quận Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn
6	Di tích Hải Vân Quan	01	Quận Liên Chiểu
7	Nâng cấp, cải tạo công viên 29 tháng 3	01	Quận Thanh Khê
8	Bảo tàng tranh “trận chiến 1858-1860” tại Đà Nẵng	01	Đang tìm địa điểm
9	Nhà hát lớn thành phố	01	Quận Hải Châu
10	Trường quay Đà Nẵng	01	H.Hòa Vang/Q.Sơn Trà
11	Đầu tư quảng trường Trung tâm	01	Quận Hải Châu
12	Bảo tàng biển Việt Nam tại Đà Nẵng	01	Quận Sơn Trà
13	Công viên Thanh Niên	01	Quận Cẩm Lệ
14	Trung tâm văn hóa - Điện ảnh thành phố	01	Quận Cẩm Lệ
15	Bảo tàng Chăm cơ sở 2 tại Phong Lệ	01	Quận Cẩm Lệ
16	Thư viện Khoa học Tổng hợp cấp vùng	01	Quận Hải Châu
17	Thư viện Khoa học Tổng hợp khu vực Tây Bắc	01	Quận Liên Chiểu
18	Thư viện Khoa học Tổng hợp Nam thành phố	01	Huyện Hòa Vang
19	Thư viện Khoa học Tổng hợp Đông Nam thành phố	01	Quận Ngũ Hành Sơn
20	Bảo tàng Mỹ thuật cơ sở 2	01	Thành phố Đà Nẵng
21	Nhà trưng bày các tác phẩm, hiện vật do các tổ chức cá nhân hiến tặng	01	Quận Hải Châu
22	Khu tổ hợp công trình thương mại dịch vụ kết hợp ở phục vụ Lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng	01	Quận Ngũ Hành Sơn

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ (HẠNG 1) VÀ HẠ TẦNG
THƯƠNG MẠI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

12.1. Hạ tầng thương mại

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Cấp hạng	
			Hiện trạng	Năm 2030
A	CHỢ			
1	Chợ Cồn	Quận Hải Châu	1	1
2	Chợ Hàn	Quận Hải Châu	1	1
3	Chợ Đống Đa	Quận Hải Châu	1	1
4	Chợ Mới	Quận Hải Châu	1	1
5	Chợ đầu mối Hòa Cường	Quận Hải Châu	Đầu mối	-
6	Chợ chuyên doanh rau củ quả phía Tây thành phố	Quận Liên Chiểu		1
7	Chợ Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	1	1
8	Chợ Bắc Mỹ An	Quận Ngũ Hành Sơn	2	1
9	Chợ Đầu mối Thủy sản Thọ Quang	Quận Sơn Trà	Đầu mối	Đầu mối
10	Chợ Thọ Quang	Quận Sơn Trà		1
11	Chợ Siêu thị Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	1	1
12	Chợ Đầu mối Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	-	Đầu mối
B	HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI KHÁC			
1	Khu logistics dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn thành phố Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang		
2	Khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Huyện Hòa Vang		
3	Trung tâm Hội chợ Triển lãm quốc tế Đà Nẵng (hạng A)	Huyện Hòa Vang		
4	Khu thương mại tự do, các khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Q. Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ, H. Hòa Vang	-	-

Ghi chú: Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

12.2. Hạ tầng dự trữ xăng dầu mở rộng, xây mới

TT	Tên kho	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (m ³)	Diện tích dự kiến (m ²)	Thời gian dự kiến	Ghi chú
I	Mở rộng, nâng công suất (cấp Quốc gia¹)		26.000			
1	Mở rộng kho xăng dầu Khuê Mỹ	Quận Ngũ Hành Sơn	+10.000		2021-2030	Hiện trạng 76.200 m ³
2	Mở rộng kho xăng dầu Liên Chiểu K83	Quận Liên Chiểu	+10.000		2021-2025	Hiện trạng 35.930 m ³
3	Mở rộng kho xăng dầu PETEC	Quận Liên Chiểu	+6.000		2021-2025	Hiện trạng 9.900 m ³
II	Đầu tư, xây dựng mới (cấp Quốc gia)		55.000	32.000-52.000		
1	Kho xăng dầu Tiên Sa	Quận Sơn Trà	40.000	20.000-40.000	2021-2030	
2	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	15.000	12.000	2021-2030	
III	Đầu tư, xây dựng mới (cấp tỉnh)		9.800	10.000		
1	Kho xăng dầu Hoà Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	5.000	5.000	2021-2030	
2	Kho xăng dầu tại quận Sơn Trà (kho nổi kết hợp cấp phát trên cạn)	Quận Sơn Trà	4.800	5.000	2021-2030	
	Tổng cộng		90.800	42.000-62.000		Hiện trạng 164.590 m ³

Ghi chú: Ngoài dự kiến nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

¹ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

12.3. Tuyến ống xăng dầu (cấp Quốc gia)

TT	Tuyến	Chiều dài tuyến (km)	Thời gian dự kiến
1	Xây mới tuyến ống xăng dầu Liên Chiểu - Hòa Liên	10-20	2031-2050

12.4. Hạ tầng kho/trạm khí đốt, đường ống dẫn khí

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Sức chứa, công suất	
			2021-2030	2031-2050
I	Hạ tầng dự trữ LPG mở rộng, xây mới cấp Quốc gia (tấn)		12.000	10.000
1	Mở rộng kho LPG Petrolimex Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	1.000	
2	Kho LPG Thọ Quang Đà Nẵng (xây mới)	Quận Sơn Trà	6.000	
3	Kho LPG Liên Chiểu Đà Nẵng (xây mới)	Quận Liên Chiểu	5.000	10.000
II	Hạ tầng dự trữ LNG cấp Quốc gia (triệu tấn/năm)			
1	Kho LNG Liên Chiểu Đà Nẵng (xây mới)	Quận Liên Chiểu	0,5-1	1
III	Tuyến ống dẫn khí cấp Quốc gia (tỷ m³/năm)			
1	Các hệ thống đường ống dẫn khí từ các kho LNG tới các nhà máy điện, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ...		0,5-3(*)	
IV	Hạ tầng dự trữ LPG xây mới cấp tỉnh (tấn/trạm)			
1	Các trạm chiết nạp LPG trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao tại Đà Nẵng	Các Khu CN, cụm CN, Khu CNC	500-1.500	
V	Hạ tầng dự trữ LNG, CNG cấp tỉnh			
1	Trạm nạp CNG (tấn/năm)	KCN Hòa Cầm, Quận Cẩm Lệ	300	
2	Trạm nạp CNG (tấn/năm)	KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu	300	
3	Các trạm cấp khí trung tâm CNG/LNG (tỷ m ³ /năm)	Các KCN, CCN, Khu CNC	0,01-0,1	
VI	Tuyến ống dẫn khí cấp tỉnh (tỷ m³/năm)			
1	Các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp	Các Khu CN, CCN, Khu CNC	0,1-0,3(*)	
VII	Phương án phát triển hạ tầng dịch vụ cung ứng xăng dầu khác cấp tỉnh (ha)			Ghi chú
1	Khu dịch vụ hậu cần kỹ thuật dầu khí miền Trung tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	1,9	Vốn NĐT
2	Khu dịch vụ cung ứng xăng dầu kết hợp tránh bão	Quận Sơn Trà	1 (diện tích mặt nước)	Vốn NĐT (2023-2025)

Ghi chú: (*) Công suất, chiều dài tuyến ống sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư.

Ngoài dự kiến nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các kho/trạm khí (LPG, LNG, CNG) tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển Liên Chiểu... để đa dạng hóa nguồn nhiên liệu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, Y TẾ,
AN SINH XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
A	Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp		
I	Giáo dục trung học phổ thông		
1	Cơ sở duy trì hoạt động	37	07 quận, huyện
2	Quy hoạch mới	6	
II	Giáo dục thường xuyên		
1	Cơ sở duy trì hoạt động	3	Các Quận: Sơn Trà, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ; Huyện Hòa Vang
2	Quy hoạch mới	0	
III	Giáo dục nghề nghiệp		
3.1	Cơ sở duy trì hoạt động	36	
3.2	Quy hoạch mới	30	
1	Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng	1	Quận Ngũ Hành Sơn
2	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Đà Nẵng	1	Quận Ngũ Hành Sơn
3	Trường Cao đẳng	7	Huyện Hòa Vang, Quận Cẩm Lệ, Quận Ngũ Hành Sơn (đào tạo các lĩnh vực công nghệ cao, logictis, các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố... đạt chuẩn khu vực và quốc tế)
4	Trường Trung cấp	6	
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	15	
B	Các cơ sở y tế		
I	Cơ sở y tế công lập cấp thành phố, quận, huyện Gồm 99 cơ sở hiện có (04 Bệnh viện Bộ ngành, 95 cơ sở y tế công lập do thành phố quản lý) và 04 cơ sở quy hoạch mới	103	
1.1	Duy trì nâng cấp các cơ sở y tế công lập hiện có (Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu, 10 bệnh viện tuyến thành phố (03 Bệnh viện có 02 trụ sở là Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản - Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền); 07 Trung tâm y tế quận, huyện; 01 trụ sở Sở Y tế cũ; các trạm y tế xã, phường; 06 Trạm cấp cứu; 06 đơn vị hệ dự phòng; 05 cơ sở cũ của các đơn vị sát nhập vào Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)	95	
1.2	Mở rộng tại vị trí hiện có	08	
1	Bệnh viện Phụ sản - Nhi		Quận Ngũ Hành Sơn
2	Bệnh viện Đà Nẵng		Quận Hải Châu
3	Bệnh viện Mắt		Quận Hải Châu
4	Bệnh viện Tâm thần		Quận Liên Chiểu

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm dự kiến
5	Bệnh viện Da Liễu		Quận Thanh Khê
6	Trung tâm Y tế quận Hải Châu		Quận Hải Châu
7	Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang		Quận Hoà Vang
8	Trung tâm Y tế quận Sơn Trà		Quận Sơn Trà
1.3	Quy hoạch chuyển vị trí mới	04	
1	Trung tâm Pháp Y		Quận Thanh Khê
2	Trạm cấp cứu Ngũ Hành Sơn		Quận Ngũ Hành Sơn
3	Bệnh viện Phụ sản - Nhi cơ sở 3 (khi TTYT quận Liên Chiểu xây dựng Bệnh viện phía Tây thành phố 1000 GB)		Quận Liên Chiểu (TTYT Liên Chiểu hiện nay)
4	Trung tâm Giám định Y khoa		Quận Hải Châu
1.4	Quy hoạch mới	04	
1	Bệnh viện Đà Nẵng (cơ sở 2)		Quận Ngũ Hành Sơn
2	Bệnh viện Bắc Hoà Vang		Huyện Hoà Vang
3	Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu (Bệnh viện phía Tây thành phố 1000 GB)		Quận Liên Chiểu
4	Trung tâm đào tạo Y khoa		Huyện Hoà Vang
II	Cơ sở y tế ngoài công lập	14	
2.1	Duy trì các cơ sở hiện có	06	
2.2	Quy hoạch mới	08	
1	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
2	Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ/Sơn Trà
3	Trung tâm chẩn đoán y khoa chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
4	Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
5	Trung tâm điều trị Ung bướu quốc tế chất lượng cao		Liên Chiểu
6	Trung tâm sức khỏe môi trường và lao động		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ
7	Trung tâm phân phối dược phẩm		Hòa Vang
8	Đầu tư các cơ sở/mô hình khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao		Hòa Vang/Liên Chiểu/Ngũ Hành Sơn/Cẩm Lệ/Sơn Trà
C	Cơ sở an sinh xã hội		
I	Cơ sở hiện có	17	
II	Quy hoạch mới	5	
1	Viện dưỡng lão 1		Quận Cẩm Lệ
2	Viện dưỡng lão 2, 3		Huyện Hoà Vang
3	Cơ sở cai nghiện số 2		Huyện Hoà Vang

Phụ lục XIV

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 14.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đà Nẵng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		128.472,96	100,00	128.472,96	0,00	128.472,96	100,00	
1	Đất Nông nghiệp	NNP	71.261,27	55,47	66.373,00	0,00	66.373,00	51,66	-4.888,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.517,82	2,74	1.639,00	0,00	1.639,00	1,28	-1.878,82
	Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.517,82	2,74	1.639,00	0,00	1.639,00	1,28	-1.878,82
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.902,02	1,48		1.310,32	1.310,32	1,02	-591,70
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.938,27	6,96	11.778,00	0,00	11.778,00	9,17	2.839,73
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	30.448,91	23,70	34.130,00	0,00	34.130,00	26,57	3.681,09
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	23.329,00	18,16	14.973,00	0,00	14.973,00 ⁽¹⁾	11,65	-8.356,00
	Tr.đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	3.687,59	2,87	3.688,00	0,00	3.687,59	2,87	0,00
1.6	Đất nông nghiệp còn lại (Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác)	NKH	3.125,25	2,43		2.542,68	2.542,68	1,98	-582,57
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	55.805,90	43,44	61.678,00	0,00	61.677,96	48,01	5.872,06
2.1	Đất quốc phòng	CQP	32.863,73	25,58	2.628,00	0,00	2.628,00	2,05	-30.235,73
2.2	Đất an ninh	CAN	107,13	0,08	153,00	0,00	153,00	0,12	45,87
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.499,92	1,17	2.412,00	0,00	2.412,00	1,88	912,08
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	-		532,89	532,89	0,41	532,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2.382,17	1,85		3.065,94	3.065,94	2,39	683,77
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	720,77	0,56		432,10	432,10	0,34	-288,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	66,93	0,05		505,95	505,95	0,39	439,02
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	5.896,24	4,59	8.637,00	0,00	8.637,00	6,72	2.740,76
2.8.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	24,68	0,02	506,00	0,00	506,00	0,39	481,32
2.8.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	65,29	0,05	154,00	0,00	154,00	0,12	88,71

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
2.8.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	493,65	0,38	1.092,00	0,00	1.092,00	0,85	598,35
2.8.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	219,14	0,17	271,00	0,00	271,00	0,21	51,86
2.8.5	Đất giao thông	DGT	4.784,93	3,72	5.645,00	0,00	5.645,00	4,39	860,07
2.8.6	Đất thủy lợi	DTL	193,45	0,15		407,59	407,59	0,32	214,05
2.8.7	Đất công trình năng lượng	DNL	31,58	0,02	118,00	0,00	118,00	0,09	86,42
2.8.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	23,65	0,02	240,00	0,00	240,00	0,19	216,35
2.8.9	Đất phát triển hạ tầng còn lại (đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở KH&CN và đất chợ)		59,78	0,05		203,41	203,41	0,16	143,63
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	-	11,00	0,00	11,00	0,01	11,00
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18,46	0,01	18,00	0,00	18,00 ⁽²⁾	0,01	-0,46
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	22,25	0,02		104,00	104,00	0,08	81,75
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	80,44	0,06	207,00	0,00	207,00	0,16	126,56
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.464,29	1,92		1.646,62	1.646,62	1,28	-817,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	4.675,64	3,64		5.880,92	5.880,92	4,58	1.205,28
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	67,04	0,05		76,57	76,57	0,06	9,53
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DSN	25,20	0,02		25,40	25,40	0,02	0,20
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,67	0,00		15,67	15,67	0,01	15,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	93,77	0,07		87,02	87,02	0,07	-6,75
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.016,67	0,79		381,94	381,94	0,30	-634,73
2.20	Đất phi nông nghiệp còn lại (đất SX VLXD, làm đồ gốm, khu vui chơi giải trí cộng đồng, đất sinh hoạt cộng đồng, đất cơ sở tín ngưỡng, đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dụng và đất phi nông nghiệp khác)		3.804,59	2,96		34.856,94	34.856,94 ⁽³⁾	27,13	31.052,35
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.405,79	1,09	422,00	0,00	422,00	0,33	-983,79
4	Đất khu công nghệ cao ⁽⁴⁾	KCN	659,95	0,51	1.130	0,00	1.130,00⁽⁵⁾	1,33	1.050,05
5	Đất đô thị ⁽⁴⁾	KDT	25.001,81	19,46	25.002	0,00	25.002,00	19,46	0,19
6	Khu chức năng ⁽⁴⁾								
6.1	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	6.986,81	5,44			4.595,99	3,58	-2.390,82
6.2	Khu lâm nghiệp	KLN	32.177,27	25,05			23.916,47	18,62	-8.260,80

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)-(6)	(8)	(9)	(10)=(8)-(4)
6.3	Khu du lịch	KDL	1.090,17	0,85			4.718,10	3,67	3.627,93
6.4	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	30.448,91	23,70			34.130,00	26,57	3.681,09
6.5	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.499,92	1,17			2.412,00	1,88	912,08
6.6	Khu đô thị	DTC	15.283,14	11,90			20.899,00	16,27	5.615,86
6.7	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	902,78	0,70			1.223,09	0,95	320,31
6.8	Khu dân cư nông thôn	DNT	9.583,94	7,46			6.078,31	4,73	-3.505,63

Ghi chú:

(1) Theo kết quả rà soát 3 loại rừng, diện tích rừng sản xuất là 10.855,2 ha; (2) Đất có di tích lịch sử - văn hóa dự kiến là 52,13 ha khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; (3) Bao gồm diện tích của huyện đảo Hoàng Sa (30.500,00 ha) và Đất khu công nghệ cao (1.130,00 ha); (4) Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên; (5) Dự kiến mở rộng khu công nghệ cao lên 1.710 ha khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch thành phố được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Bảng 14.2. Phương án chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2021-2030

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	4.906,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1.796,48
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt	LUC/PNN	1.796,48
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	571,50
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	9,25
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1.825,93
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	-
1.5	Đất nông nghiệp còn lại (Đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác)		703,28
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	222,55

Bảng 14.3. Phương án đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất Nông nghiệp	NNP	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	983,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,86
2.2	Đất an ninh	CAN	1,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	104,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,13
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	138,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,57
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	6,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện	DHT	396,25
2.8.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	54,03
2.8.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,36
2.8.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,06
2.8.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	23,92
2.8.5	Đất giao thông	DGT	145,49
2.8.6	Đất thủy lợi	DTL	12,57
2.8.7	Đất công trình năng lượng	DNL	1,59
2.8.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	36,00
2.8.9	Đất phát triển hạ tầng còn lại (đất xây dựng cơ CSHT dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở KH&CN và đất chợ)		6,23
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	1,00
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,08
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	20,61
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,55
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	14,36
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	210,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,43
2.16	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,50
2.17	Đất phi nông nghiệp còn lại (đất SX VLXD, làm đồ gốm, khu vui chơi giải trí cộng đồng, đất sinh hoạt cộng đồng, đất cơ sở tín ngưỡng, đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dung và đất phi nông nghiệp khác)		37,58

Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu vực quy hoạch	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)	Trữ lượng dự kiến (m ³)
I	Quy hoạch đá làm vật liệu xây dựng thông thường			
1	QH.1 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	45,8	4.580.000
2	QH.2 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	32,4	3.240.000
3	QH.3 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	25,1	2.510.000
4	QH.4 (ĐXD)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	70,3	10.545.000
5	QH.5 (ĐXD)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	48,8	14.640.000
6	QH.6 (ĐXD)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	4,0	1.050.000
7	QH.7 (ĐXD)	Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu	20,7	4.816.000
8	QH.8 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	93,5	23.375.000
9	QH.9 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	20,7	3.105.000
10	QH.10 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	26,6	3.990.000
11	QH.11 (ĐXD)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	6,3	472.500
12	QH.12 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	28,7	5.740.000
13	QH.13 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	14,6	4.599.000
14	QH.14 (ĐXD)	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	14,8	4.662.000
	Tổng số (ĐXD):		452,3	87.324.500
II	Quy hoạch đất làm vật liệu san lấp			
1	QH.1 (ĐSL)	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	5,0	500.000
2	QH.2 (ĐSL)	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	8,4	840.000
3	QH.3 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Liên, huyện Hòa Vang	119,5	11.950.000
4	QH.4 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	114,4	11.440.000
5	QH.5 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Liên, Hoà Sơn, huyện Hòa Vang	119	11.900.000
6	QH.6 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	79,6	7.960.000
7	QH.7 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	80,6	8.060.000
8	QH.8 (ĐSL)	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang	75,7	7.570.000
9	QH.9 (ĐSL)	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	2,34	270.000
10	QH.10 (ĐSL)	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	34,2	3.420.000
11	QH.11 (ĐSL)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	105,8	10.580.000
12	QH.12 (ĐSL)	Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang	13,5	1.350.000
13	QH.13 (ĐSL)	Xã Hoà Phú, huyện Hòa Vang	10	1.000.000
14	QH.14 (ĐSL)	Xã Hoà Phú, huyện Hòa Vang	6,0	600.000
15	QH.15 (ĐSL)	Xã Hoà Phú, huyện Hòa Vang	11	1.100.000
16	QH.16 (ĐSL)	Xã Hòa Phong, Hoà Phú, huyện Hòa Vang	87	8.700.000
	Tổng số (ĐSL):		872,04	87.240.000

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm rà soát, bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; phù hợp với các quy hoạch khác và các quy định của pháp luật có liên quan.

Phụ lục XVI
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ 2023-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Ghi chú: - Tên công trình, dự án có thể thay đổi và dự án có thể phân khai thành các dự án phù hợp.

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu, tổng mức đầu tư, hình thức đầu tư của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình phê duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các công trình, dự án khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương, các kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
A	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ		
1	Tuyến đường vành đai phía Tây 2 (đoạn từ đường số 8 KCN Hòa Khánh đến cuối tuyến)	Quận Liên Chiểu	2023-2030
2	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2025-2030
3	Mở rộng Khu công nghệ cao thành phố Đà Nẵng (khi thành phố được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất)	Huyện Hòa Vang	2025-2030
4	Đầu tư xây dựng Cảng cá và Chợ Thủy sản đầu mối Thọ Quang thành trung tâm thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với phục vụ du lịch (Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 3)	Quận Sơn Trà	2025-2030
5	Trung tâm nghề cá lớn thành phố Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2025-2050
6	Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
7	Đại học Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
B	CÁC DỰ ÁN KHÁC		
I	Giao thông vận tải		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - kêu gọi đầu tư các bến theo quy hoạch	Quận Liên Chiểu	2023-2030 Sau 2023
2	Các dự án trong Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng - Hạ tầng kỹ thuật phía đầu Bắc; - Xây dựng ga hàng hóa - Mở rộng nhà ga hành khách T1	Quận Hải Châu	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
	- Xây dựng mới nhà ga hành khách T3		
3	Di dời ga đường sắt Đà Nẵng - Xây dựng nhà ga mới và hạ tầng liên quan theo quy hoạch - Cải tạo, phát triển ga Kim Liên	Quận Thanh Khê, Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Cải tạo, nâng cấp QL14G	Huyện Hòa Vang	2025-2030
5	Công trình qua sông Hàn (nối từ đường Đống Đa đến đường Vân Đồn - Trần Thánh Tông)	Quận Sơn Trà	2023-2030
6	Đầu tư tuyến kết nối giao thông sân bay về phía Tây và nâng cấp cơ sở hạ tầng để nâng cao khả năng khai thác của cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng	Quận Hải Châu, Thanh Khê	Sau 2030
7	Tuyến đường nối từ đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Hoàng Văn Thái	Quận Liên Chiểu	2023-2025
8	Tuyến đường phía Tây khu du lịch sinh thái suối Lương, khớp nối tuyến đường số 7 KCN Liên Chiểu với đường Ngô Xuân Thu	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
9	Tuyến đường kết nối đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan (phía sau Khu Công nghệ cao)	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
10	Đường Vành đai phía Tây 1 (tuyến đường giữa đường Vành đai phía Tây và đường bộ cao tốc nối từ đường Nguyễn Tất Thành (nối dài) qua Quốc Lộ 14B gần Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang và kéo dài đến biển)	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
11	Tuyến đường số 9 nối Khu công nghệ cao với đường vành đai phía Tây (MC3-3)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
12	Các tuyến đường ven sông Túy Loan, sông Yên, sông cầu Đỏ	Huyện Hòa Vang	2023-2030
13	Cụm nút giao thông Lê Thanh Nghị - Cách Mạng Tháng Tám - Thăng Long - đường dẫn lên cầu Hòa Xuân	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ	2023-2030
14	Bến xe phía Bắc, phía Tây thành phố	Huyện Hòa Vang	2025-2030
15	Các cầu qua sông Túy Loan, sông Cái, sông Cẩm Lệ, sông Cu Đê theo quy hoạch	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023-2030
16	Đầu tư các bến thủy nội địa theo quy hoạch	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
17	Các bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
18	Nghiên cứu dự án vận tải công cộng khối lượng lớn: MRT (tàu điện ngầm, tốc độ cao), LRT (đường sắt nhẹ đô thị) hoặc hình thức tương tự	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
II	Hạ tầng kỹ thuật khác		
1	Các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Cảng Liên Chiểu, Ga hàng hóa (hậu cần đường sắt)	Quận Liên Chiểu	2023-2030
2	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	2023-2030
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Khu công nghệ cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2025
4	Cảng cạn Hòa Nhơn kết hợp hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần khác	Huyện Hòa Vang	2023-2025
5	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	Đến 2030
6	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	Đến 2030
7	Dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	Đến 2030
8	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần hàng không	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
9	Các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ hậu cần và kho bãi khác (trên các đường tránh của tuyến đường cao tốc, tại các khu, cụm công nghiệp...)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
III	Thương mại		
1	Chợ Cồn	Quận Hải Châu	2023-2025
2	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng lại, xây mới các chợ hạng 1 (chợ Hàn, chợ Đồng Đa, chợ Hòa Khánh, chợ Thọ Quang...) và các chợ khác trên địa bàn	Các quận, huyện	2025-2030
3	Chợ Đầu mối Hòa Phước	Huyện Hòa Vang	2023-2025
4	Chợ chuyên doanh rau, củ quả phía Tây thành phố	Quận Liên Chiểu	2023-2030
5	Khu logistics dịch vụ hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn thành phố Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang	2023-2030
6	Khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Huyện Hòa Vang	2023-2030
7	Khu thương mại tự do, các khu phi thuế quan và các dịch vụ đi kèm	Quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023-2030
8	Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế Đà Nẵng (hạng A, đầu tư mới)	Huyện Hòa Vang	Sau 2025
9	Trung tâm mua sắm Outlet (diện tích 100 ha, nằm trên đường Vành đai phía Tây)	Huyện Hòa Vang	2025-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
10	Các trung tâm thương mại, siêu thị	Các quận, huyện	2023-2030 2031-2050
IV	Du lịch		
1	Cải tạo hạ tầng, cảnh quan, tạo một số điểm nhấn kiến trúc trên tuyến và bãi cát đường Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023-2030
2	Cải tạo hạ tầng, bờ kè, cảnh quan và tạo các điểm nhấn kiến trúc trên tuyến và bãi cát đường Nguyễn Tất Thành	Quận Thanh Khê, Liên Chiểu	2023-2030
3	Đầu tư điểm đến Sừng Cỏ, Mả Đa	Quận Liên Chiểu	2023-2030
4	Khu du lịch suối Lương	Quận Liên Chiểu	2023-2030
5	Khu du lịch phía Đông tuyến đường đèo Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023-2030
6	Khu du lịch phía Tây Nam tuyến đường đèo Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023-2030
7	Khu du lịch sinh thái đồi Chim Chim	Quận Liên Chiểu	2023-2030
8	Khu du lịch phía Tây đường tránh Hải Vân	Quận Liên Chiểu	2023-2030
9	Hạ tầng thiết yếu các điểm du lịch dọc sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2025
10	Dự án Tổ hợp Dòng sông ánh sáng và bến thủy nội địa	Quận Hải Châu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ	2023-2025
11	Cảnh quan hai bên bờ sông Hàn (phía bờ Đông)	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023-2025
12	Tuyến phố đi bộ Bạch Đằng - Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hưng Đạo	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023-2030
13	Khu dịch vụ đêm: - Khu thương mại dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe ngầm - Khu dịch vụ đêm tại khu vực ranh giới 4 tuyến đường Bình Minh 4 - Bình Minh 10 - Bạch Đằng - đường 2 tháng 9 - Khu tổ hợp kinh tế ban đêm riêng biệt	Quận Hải Châu, Sơn Trà	2023-2030
14	Khu du lịch cộng đồng Mân Thái - Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023-2028
15	Dự án đầu tư hạ tầng tiện ích khu du lịch cộng đồng Nam Ô	Quận Liên Chiểu	2023-2030
16	Dự án đầu tư hạ tầng tiện ích các khu du lịch cộng đồng Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
17	Phố du lịch An Thượng giai đoạn 2	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2025
18	Làng ẩm thực Quốc tế	Quận Sơn Trà, Cẩm Lệ	2026-2030
19	Khu công viên bách thảo, bách thú khu vực hồ Đồng Xanh, Đồng Nghệ	Huyện Hòa Vang	2023-2035
20	Khu công viên chuyên đề vui chơi giải trí và bách thảo (khu vực giáp dự án Bà Nà)	Huyện Hòa Vang	2023-2035
21	Khu công viên chuyên đề văn hóa lịch sử	Huyện Hòa Vang	2023-2035
V	Các dự án tổ hợp		
1	Khu trung tâm kinh doanh thương mại (CBD) đô thị sinh thái Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	2023-2030
2	Khu trung tâm kinh doanh thương mại (CBD) An Đồn	Quận Sơn Trà	2023-2030
3	Khu phức hợp trung tâm tài chính thương mại, vui chơi giải trí và chung cư cao cấp	Quận Sơn Trà	2023-2030
4	Khu tổ hợp công trình TMDV kết hợp ở phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
5	Tổ hợp thể thao, giải trí và thương mại tại phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
6	Dự án Không gian sáng tạo tại phường Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
7	Khu phức hợp thương mại dịch vụ tại phường Hòa Thọ Tây	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
8	Khu phức hợp hồ Hóc Khê	Huyện Hòa Vang	2023-2030
9	Khu phức hợp hồ Đồng Tréo	Huyện Hòa Vang	2023-2030
10	Tổ hợp sản xuất và dịch vụ du thuyền tại thành phố Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2030-2050
VI	Cảng du lịch, bến du thuyền/ bến thủy nội địa phục vụ du lịch		
1	Nâng cấp, phát triển cảng sông Hàn thành cảng du lịch (Y6)	Quận Hải Châu	2023-2025
2	Bến du thuyền Quốc tế (Y5, Y6, Y7)	Quận Hải Châu	2023-2030
3	Bến du thuyền quốc tế Đa Phước (N12)	Quận Hải Châu	2023-2030
4	Bến du thuyền quốc tế Thuận Phước (N11) (khu vực cầu Thuận Phước, quận Sơn Trà)	Quận Sơn Trà	2023-2030
5	Dự án chuyển đổi Cảng Tiên Sa thành Cảng du lịch (Cảng biển du thuyền quốc tế Tiên Sa)	Quận Sơn Trà	2030-2050
VII	Sân golf		
1	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch hồ Hòa Trung	Huyện Hòa Vang	2023-2030
2	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Liên - Hòa Bắc	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
3	Khu phức hợp khách sạn, sân golf Hòa Phong - Hòa Phú	Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Sân golf kết hợp dịch vụ du lịch Hòa Phú - Hòa Nhơn (cuối tuyến Bà Nà - Suối Mơ)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
VIII	Công nghệ thông tin		
1	Tòa nhà Viettel Đà Nẵng	Quận Hải Châu	2023-2025
2	Khu Công nghệ thông tin DanangBay (đường Nguyễn Sinh Sắc)	Quận Liên Chiểu	2023-2025
3	Các dự án thuộc Đề án chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2025	Thành phố Đà Nẵng	2023-2025
4	Các dự án thuộc Đề án xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2025	Thành phố Đà Nẵng	2023-2025
5	Trung tâm chia chọn tự động tại Khu công nghiệp Liên Chiểu	KCN Liên Chiểu	2023-2030
6	Trung tâm dữ liệu vùng phục vụ điều hành mạng lưới viễn thông, hạ tầng chính phủ điện tử và nền tảng công nghệ 4.0	KCN Hòa Khánh	2023-2030
7	Trạm cấp bờ cáp quang biển Đà Nẵng để hình thành trung tâm chuyển đổi số của khu vực ASEAN (Digital Hub)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2025
8	Khu phức hợp gồm Trung tâm dữ liệu viễn thông và CNTT (Data Center), trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, trung tâm đào tạo công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
9	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển dịch vụ dữ liệu công nghệ cao - HTC Digital Park	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2026
IX	Công nghiệp		
1	Mở rộng, nâng công suất Nhà máy bia Heineken Việt Nam - Đà Nẵng	KCN Hoà Khánh	2023-2030
2	Nhà máy đóng mới du thuyền tại Khu công nghiệp Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2023-2030
3	Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa, thử nghiệm du thuyền Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023-2030 và sau năm 2030
4	Dự án cung ứng dịch vụ liên quan đến du thuyền	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
5	Dự án chuyên lĩnh vực Fintech hỗ trợ startup trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
6	Dự án nghiên cứu, sản xuất chế tạo các hệ thống, thiết bị thông minh phục vụ chuẩn đoán theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
7	Dự án Nhà máy sản xuất ô tô	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
8	Dự án sản xuất chip, cảm biến sinh học	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
9	Dự án sản xuất hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
10	Dự án sản xuất thiết bị LiDAR, thiết bị đo theo nguyên lý quán tính (INS), la bàn điện tử độ chính xác cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
11	Dự án sản xuất thiết kế vi mạch điện tử tích hợp (IC)	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
12	Dự án sản xuất Vật liệu in 3D tiên tiến, thân thiện với môi trường	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
13	Dự án Thiết bị và trạm sạc không dây hiệu suất cao	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
14	Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ hàng không, vũ trụ	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
15	Dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thiết kế, chế tạo robot	Khu CNC, huyện Hòa Vang	2023-2030
16	Trung tâm chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm tập trung	Huyện Hòa Vang	2023-2030
17	Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
18	Dự án Khu cơ khí chế tạo phục vụ lĩnh vực dầu khí, điện gió	Quận Liên Chiểu/vị trí khác	2023-2030
X	Hạ tầng công nghiệp		
1	Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam	Quận Liên Chiểu	2023-2030
2	Cụm công nghiệp Hòa Liên 2	Huyện Hòa Vang	2023-2030
3	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 1 (Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
5	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 2	Huyện Hòa Vang	2023-2030
6	Cụm công nghiệp Hòa Nhơn 3	Huyện Hòa Vang	2023-2030
7	Cụm công nghiệp Sản xuất thô đá mỹ nghệ Non Nước	Huyện Hòa Vang	2023-2030
8	Cụm công nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng	Huyện Hòa Vang	2023-2030
9	Cụm công nghiệp Nam Sơn	Huyện Hòa Vang	2023-2030
10	Cụm công nghiệp Nam Sơn 2	Huyện Hòa Vang	2031-2050
11	Cụm công nghiệp Hoà Vang 1	Huyện Hòa Vang	2031-2050
12	Cụm công nghiệp Hoà Vang 2	Huyện Hòa Vang	2031-2050
13	Khu công nghiệp Hòa Cầm - giai đoạn 2	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023-2030
14	Khu công nghiệp Hòa Nhơn	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
15	Khu công nghiệp Hòa Ninh	Huyện Hòa Vang	2023-2030
XI	Cấp điện, xăng dầu, khí đốt	Huyện Hòa Vang	
1	Đường dây 500kV mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	Huyện Hòa Vang	2023-2030
2	Nâng công suất TBA220kV Ngũ Hành Sơn, lắp máy 2-250MVA	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
3	Nâng công suất TBA500kV Đà Nẵng từ 2x450MVA lên thành 2x900MVA	Quận Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Xây dựng mới TBA220kV Hải Châu và đường dây đấu nối	Quận Hải Châu, Liên Chiểu,	2023-2030
5	Xây dựng mới TBA220kV Liên Chiểu và đường dây đấu nối	Quận Liên Chiểu	2023-2030
6	Xây dựng mới TBA220kV sân bay và đường dây đấu nối	Quận Cẩm Lệ, Thanh Khê	2023-2030
7	Xây dựng mới TBA220kV Tiên Sa và đường dây đấu nối	Quận Sơn Trà	2023-2030
8	Dự án Nhà máy điện sinh khối	Quận Liên Chiểu	2023-2025
9	Kho xăng dầu Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2023-2030
10	Kho xăng dầu Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023-2030
11	Kho xăng dầu quận Sơn Trà (kho nổi kết hợp cấp phát trên cạn)	Quận Sơn Trà	2023-2030
12	Kho xăng dầu Hòa Hiệp Bắc	Quận Liên Chiểu	2023-2030
13	Tuyến ống xăng dầu Liên Chiểu - Hòa Liên	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2030-2050
14	Kho LPG Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu	2026-2030 và 2031-2050
15	Kho LPG Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023-2025
16	Kho LNG Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2023-2030 và 2031-2050
17	Trạm nạp CNG tại KCN Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu	2026-2030
18	Trạm nạp CNG KCN Hòa Cầm	Quận Cẩm Lệ	2026-2030
19	Các hệ thống đường ống dẫn khí từ các kho LNG tới các nhà máy điện, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hộ tiêu thụ...	Quận Liên Chiểu, Huyện Hoà Vang và các vị trí phù hợp	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
20	Các hệ thống đường ống phân phối khí thấp áp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao	Các khu CN, cụm CN, Khu CNC	2023-2030
21	Khu dịch vụ dầu khí miền Trung tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2023-2030
22	Khu dịch vụ cung ứng xăng dầu, kết hợp tránh trú bão	Quận Sơn Trà	2023-2025
XII	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		
1	Di dời các cơ sở đóng sửa tàu cá trong Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang ra ngoài vịnh Mân Quang	Quận Sơn Trà	2025-2030
2	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng và PCCC rừng ở các địa phương có rừng	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025-2030
XIII	Đê kè, thủy lợi		
1	Kè chống sạt lở bảo vệ hạ tầng và cảnh quan dọc bờ biển khu vực quận Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2025-2030
2	Tuyến kênh thoát lũ từ hồ Bàu Tràm đến sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu	2024-2030
3	Tuyến đường 15m kết hợp kè chắn sóng bảo vệ bờ Bắc sông Cu Đê	Quận Liên Chiểu	
4	Nạo vét sông Cu Đê, Túy Loan, Lỗ Đông, Tây Tịnh	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025-2030
5	Kè chống sạt lở các sông, hồ trên địa bàn huyện Hòa Vang, Kè chống sạt lở tả ngạn sông Cu Đê trên địa bàn quận Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2025-2030
XIV	Cấp nước, thoát nước		
1	Nhà máy nước Hòa Liên, giai đoạn 2	Huyện Hòa Vang	2024-2030
2	Phát triển mạng lưới cấp nước tiếp nhận nguồn nước từ Nhà máy nước Hòa Liên	Huyện Hòa Vang	2023-2025
3	Xây dựng tuyến ống cấp nước phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng	Quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn	2023-2030
4	Hệ thống thoát nước chống ngập úng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sân bay Đà Nẵng (phía Tây sân bay Đà Nẵng, phía Đông sân bay Đà Nẵng, phía Nam sân bay Đà Nẵng)	Quận Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ	2023-2030
5	Tuyến cống thoát nước từ Bãi rác Khánh Sơn về Hoà Mỹ	Quận Liên Chiểu	2026-2030
6	Tuyến thoát nước chính từ hạ lưu kênh thoát nước khu công nghệ cao về kênh thoát lũ xã Hòa Liên	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
7	Tuyến cống thoát nước đường Lê Tấn Trung và vùng lân cận	Quận Sơn Trà	2023-2030
8	Xây dựng các tuyến cống thoát nước mưa về sông Hàn cho lưu vực Mỹ Khê - Mỹ An	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023-2030
9	Tuyến ống thu gom nước thải dọc đường ven sông Tuyên Sơn - Túy Loan, đoạn từ cầu Đỏ đến QL14B	Quận Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn	2026-2030
10	Xây dựng trạm bơm Hòa Cường và hệ thống đường ống thu gom, chuyển tải nước thải về Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ	2023-2030
11	Hệ thống thu gom nước thải các khu tái định cư trên địa bàn xã Hòa Sơn, Hòa Liên và phường Hòa Khánh Bắc về trạm xử lý nước thải Liên Chiểu	Quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang	2023-2030
12	Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước và thu gom nước thải cho lưu vực trạm xử lý nước thải Phú Lộc	Quận Hải Châu, Cẩm Lệ, Thanh Khê, Liên Chiểu	2023-2030
13	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải các khu vực dọc đường Nguyễn Tất Thành và khu vực Nam Ô	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ cầu Trần Thị Lý đến đường Vân Đồn)	Quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn	2023-2030
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Chương Dương (đoạn từ cầu Trần Thị Lý đến cầu Tiên Sơn)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực đường Thăng Long (đoạn từ cầu Nguyễn Tri Phương đến cầu Đỏ)	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và thu gom nước thải khu vực xung quanh Âu thuyền Thọ Quang	Quận Sơn Trà	2023-2030
18	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Quý	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
19	Xây dựng các trạm xử lý nước thải trên địa bàn huyện Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023-2030
XV	Môi trường		
1	Các trạm trung chuyển rác tại các quận, huyện	Các quận/huyện	2023-2030
2	Hạ tầng kỹ thuật khu liên hợp xử lý chất thải rắn phía Tây thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
3	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo một số hạng mục khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn giai đoạn 2 (Hộc rác số 7 tại khu vực bãi rác Khánh Sơn)	Quận Liên Chiểu	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
4	Khu chôn lấp tro xỉ	Quận Liên Chiểu	2023-2030
5	Các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Quận Liên Chiểu	2023-2030
6	Các nhà máy xử lý chất thải nguy hại	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
7	Các nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
8	Các nhà máy xử lý bùn thải	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
9	Các nhà máy xử lý chất thải rắn xây dựng	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
10	Dự án đầu tư xây dựng hồ sông Bắc	Huyện Hòa Vang	2030-2050
11	Dự án đầu tư khai thác khu đất sau hoàn thổ các khu vực tại mỏ đá	Quận Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
XVI	Khoa học công nghệ		
1	Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp	Quận Sơn Trà	2023-2030
2	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
3	Đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các đơn vị sự nghiệp công lập	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
XVII	Giáo dục, đào tạo		
1	Trường Cao đẳng nghề tại Hòa Quý (giai đoạn 2)	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
2	Dự án Đổi mới Sáng Tạo tại khu quy hoạch đô thị Đại học phía Nam thành phố	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
3	Các trường Đại học tiêu chuẩn quốc tế	Quận Ngũ Hành Sơn, Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Trường Cao đẳng đào tạo các ngành, nghề trọng điểm Asean, quốc tế	Quận Cẩm Lệ	2023-2025
5	Khu làm việc và đào tạo khởi nghiệp, du học quốc tế	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
6	Trường phổ thông nhiều cấp học	Quận Liên Chiểu, Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang	2024-2030
7	Khu đào tạo kỹ năng sống, trung tâm diễn giải môi trường	Quận Sơn Trà	2024-2030
8	Dự án Khu giáo dục ngoại khóa và du lịch sinh thái khu vực Khe Rằm	Huyện Hòa Vang	2023-2030
9	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng trường học giai đoạn 2021-2025	Thành phố Đà Nẵng	2021-2025

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
10	Đầu tư mạng lưới trường học theo quy hoạch thành phố và quy mô dân số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thành phố Đà Nẵng	2021-2050
XVIII	Y tế		
1	Bệnh viện Đà Nẵng cơ sở 2	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
	- Trung tâm Huyết học		
	- Bệnh viện/Trung tâm Y học Nhiệt đới		
	- Trung tâm Lão khoa		
	- Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao Đà Nẵng		
2	Mở rộng Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Quận Ngũ Hành Sơn	2025-2035
3	Trung tâm Tầm soát ung thư thuộc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	2023-2030
4	Bệnh viện Bắc Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2026-2030
5	Trung tâm đào tạo Y khoa	Thành phố Đà Nẵng	2030-2050
6	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	Thành phố Đà Nẵng	2030-2050
7	Trung tâm chẩn đoán y khoa chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
8	Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
9	Các bệnh viện đa khoa/chuyên khoa chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2025-2030
10	Trung tâm điều trị Ung bướu Quốc tế chất lượng cao	Quận Liên Chiểu	2025-2030
11	Trung tâm Sức khỏe lao động và Môi trường	Thành phố Đà Nẵng	2030-2050
12	Bệnh viện 1000 giường phía Tây thành phố (TTYT quận Liên chiểu 1000GB)	Quận Liên Chiểu	2030-2050
13	Đầu tư các cơ sở/mô hình khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao	Thành phố Đà Nẵng	2023-2050
14	Bệnh viện Nội tiết	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
XIX	Cơ sở văn hóa		
1	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố	Quận Hải Châu	2023-2030
2	Nhà hát lớn thành phố	Đang tìm địa điểm	2023-2030
3	Bảo tàng Mỹ thuật cơ sở 2	Đang tìm địa điểm	2030-2050
4	Nhà trưng bày các tác phẩm, hiện vật do các tổ chức cá nhân hiến tặng	Quận Hải Châu	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
5	Bảo tàng tranh “Trận chiến 1858-1860” tại Đà Nẵng	Đang tìm địa điểm	2023-2030
6	Bảo tàng biển Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	2030-2050
7	Tu bổ, phục hồi và tôn tạo Di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 3)	Quận Hải Châu	2023-2025
8	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Tây Bắc	Quận Liên Chiểu	2023-2030
9	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Nam thành phố	Huyện Hòa Vang	2030-2050
10	Thư viện Khoa học Tổng hợp phía Đông Nam thành phố	Quận Ngũ Hành Sơn	2030-2050
11	Thư viện Khoa học Tổng hợp cấp vùng	Quận Hải Châu	2023-2030
12	Nhà văn hóa thiếu nhi phía Tây, Tây Nam thành phố	Quận Cẩm Lệ, Liên Chiểu	2023-2025
13	Trường quay Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang	2023-2030
14	Dự án quần thể văn hoá Hùng Vương	Huyện Hòa Vang	2023-2030
XX	Quảng trường, công viên cảnh quan		
1	Quảng trường Trung tâm	Quận Hải Châu	2023-2030
2	Khu công viên vườn dạo kết hợp thương mại, dịch vụ dọc tuyến đường Suối Đá	Quận Sơn Trà	2023-2025
3	Công viên chuyên đề phía Nam bán đảo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023-2030
4	Công viên tại khu đất Đài phát sóng An Hải	Quận Sơn Trà	2023-2030
5	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2050
6	Công viên công cộng ven biển theo Đề án định hướng phát triển du lịch đến 2030, tầm nhìn năm 2045	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
XXI	Cơ sở thể dục thể thao		
1	Trung tâm thể thao chất lượng cao tại khu vực Tây Bắc thành phố	Quận Liên Chiểu	2025-2035
2	Các hạng mục thuộc Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
3	Trường đua ngựa (Dự án Câu lạc bộ cưỡi ngựa Việt Nam)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Trung tâm huấn luyện Đấu kiếm quốc tế tại Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2030-2050
5	Trung tâm huấn luyện và đào tạo Taekwondo khu vực miền Trung tại thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	2030-2050
XXII	An sinh xã hội		
1	Xây dựng Nhà dưỡng lão 1	Quận Cẩm Lệ	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
2	Xây dựng Nhà dưỡng lão 2 và 3	Huyện Hòa Vang	2030-2050
3	Cơ sở cai nghiện số 2	Huyện Hòa Vang	2030-2050
XXIII	Quốc phòng - an ninh		
1	Doanh trại Trung đội Pháo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023-2030
2	Kho K97	Huyện Hòa Vang	2023-2030
3	Kho xăng dầu Bộ Tư lệnh Biên phòng	Quận Sơn Trà	2023-2030
XXIV	Các khu đô thị		
1	Khu đô thị sân bay	Quận Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ	2030-2050
2	Khu đô thị Làng đại học	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
3	Khu đô thị ven sông phía Tây Nam Nhà máy nước Cầu Đỏ	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
4	Khu vực đô thị sườn đồi	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị phía Tây đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị phía Đông đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị sinh thái phía Bắc đường Hoàng Văn Thái	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị Phước Hưng - Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu dân cư mới (bao gồm vệt 50m) dọc theo hai bên tuyến đường Hoàng Văn Thái đi Bà Nà - Suối Mơ	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị Tây Bắc sườn đồi (Khu đô thị thông minh Phi thuế quan quanh sườn đồi)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
	- Khu đô thị Đông Nam sườn đồi (Khu đô thị thông minh Phi thuế quan quanh sườn đồi)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
5	Khu đô thị huyện lỵ Hòa Vang	Huyện Hòa Vang	2023-2030
6	Khu vực tiểu vùng Đông Nam Hoà Vang: - Khu dân cư thương mại ven sông Hòa Phước - Khu đô thị sinh thái Hòa Tiến - Các nút dân cư khu vực Hòa Tiến - Các nút dân cư khu vực Hòa Châu	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
XXV	Các dự án chỉnh trang đô thị, khu tái định cư, chung cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội		
1	Các cụm, khu tái định cư phục vụ giải tỏa các khu đô thị mới, các dự án đầu tư được xác định trong Quy hoạch thành phố và phục vụ giải tỏa theo chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới giai đoạn 2022-2030	Quận Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Liên Chiểu, Huyện Hòa Vang	2023-2030
2	Cải tạo, chỉnh trang đô thị khu vực phía Tây đường Trường Chinh (khu vực phía Nam đường CK55 và Khu dân cư phía Nam đường Lê Trọng Tấn)	Quận Cẩm Lệ	2023-2030
3	Nhà ở công nhân tại các khu, cụm công nghiệp; các chung cư, nhà ở xã hội	Toàn thành phố	2023-2030
	- Nhà ở xã hội cho người có công với cách mạng	Toàn thành phố	2023-2025
	- Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị	Toàn thành phố	2023-2030
	- Nhà ở xã hội cho công nhân	Toàn thành phố	2023-2030
XXVI	Các dự án tái thiết đô thị		
	Thí điểm các dự án tái thiết đô thị, hình thành các đô thị nén tại phường Bình Hiên (quận Hải Châu), phường Thanh Khê Đông (quận Thanh Khê), phường An Hải Tây (quận Sơn Trà)	Toàn thành phố	2023-2030
C	MỘT SỐ DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ		
I	DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng - Phần CSHT dùng chung giai đoạn 1	Quận Liên Chiểu	2022-2030
2	Đường ven biển nối cảng Liên Chiểu giai đoạn 2	Quận Liên Chiểu	2022-2025
3	Mở rộng tuyến Quốc lộ 14B (giai đoạn 2)	Huyện Hòa Vang	2024-2027
4	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Thọ Quang thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2	Quận Sơn Trà	2025-2030
5	Doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Thành phố Đà Nẵng	2023-2030
II	MỘT SỐ DỰ ÁN CỦA THÀNH PHỐ		
1	Khu công viên chuyên đề, văn hóa, vui chơi giải trí kết hợp thương mại dịch vụ phía Đông Nam Đài tưởng niệm giai đoạn 2 (Asia Park)	Quận Hải Châu	2023-2030
2	Khu phức hợp y tế - giáo dục - chung cư cao cấp tại phường Mỹ An	Quận Ngũ Hành Sơn	2023-2030
3	Quần thể Khu đô thị du lịch Bà Nà - Suối Mơ (khu vực chân núi Bà Nà)	Huyện Hòa Vang	2023-2030
4	Khu biệt thự sinh thái hồ Trước Đông	Huyện Hòa Vang	2023-2030

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM DỰ KIẾN	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ DỰ KIẾN
5	Khu đô thị phía Tây đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hoà Vang	2023-2030
6	Khu đô thị phía Đông đường tránh Nam hầm Hải Vân	Huyện Hoà Vang	2023-2030
7	Khu đô thị sinh thái phía Bắc đường Hoàng Văn Thái	Huyện Hoà Vang	2023-2030
D	CÁC DỰ ÁN ĐANG RÀ SOÁT, XỬ LÝ THEO CÁC KẾT LUẬN THANH TRA		
I	Các dự án theo Kết luận Thanh tra số 2852/KL-TTTP ngày 02 tháng 11 năm 2012		
1	Dự án Khu du lịch sinh thái Nam Ô	Quận Liên Chiểu	2023-2030
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân	Quận Liên Chiểu	2023-2030
II	Các dự án theo Kết luận Thanh tra số 269/KL-TTTP ngày 16 tháng 9 năm 2019		
1	Tổ hợp Khu du lịch - dịch vụ cao cấp Sơn Trà (Sontra Resort&Spa)	Quận Sơn Trà	2023-2030
2	Khu nhà nghỉ và du lịch sinh thái Bãi Trẹm	Quận Sơn Trà	2023-2030
3	Khu Du lịch Bãi Bụt	Quận Sơn Trà	2023-2030
4	Khu du lịch sinh thái biển Bãi Bắc (Intercontinental)	Quận Sơn Trà	2023-2030
5	Khu du lịch sinh thái biển Tiên Sa	Quận Sơn Trà	2023-2030
6	Khu Du lịch Bãi Trẹm	Quận Sơn Trà	2023-2030
7	Khu Du lịch sinh thái, nhà nghỉ, dịch vụ tại Bán đảo Sơn Trà	Quận Sơn Trà	2023-2030
8	Khu Du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp Ghềnh Đa - Mũi Nghê	Quận Sơn Trà	2023-2030
9	Khu du lịch sinh thái biển, biệt thự cao cấp Ghềnh Bàn - Bãi Đa	Quận Sơn Trà	2023-2030
10	Khu Du lịch ven biển và biệt thự sinh thái cao cấp Hồ Xanh	Quận Sơn Trà	2023-2030
11	Khu Du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Tây Nam Suối Đá	Quận Sơn Trà	2023-2030
12	Khu du lịch Biển Đông mở rộng (Dự án Khu du lịch Bãi Rạng)	Quận Sơn Trà	2023-2030
13	Khu du lịch sinh thái biển kết hợp nuôi trồng thủy sản	Quận Sơn Trà	2023-2030

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại mục C và D phụ lục này. Đối với các dự án tại Mục D, chỉ triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Phụ lục XVII
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1287/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
3.1	Sơ đồ phương án phát triển Dịch vụ, du lịch	1:25.000
3.2	Bản đồ phương án phát triển Văn hóa, thể thao	1:25.000
3.3	Bản đồ phương án phát triển Khoa học công nghệ, Giáo dục đào tạo	1:25.000
3.4	Bản đồ phương án phát triển Y tế, An sinh xã hội	1:25.000
3.5	Sơ đồ phương án phát triển Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp	1:25.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
4.1	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông	1:25.000
4.2	Sơ đồ phương án phát triển Thoát nước mặt và Thủy lợi; Hệ thống cấp nước sinh hoạt; Thoát nước thải; Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang	1:25.000
4.3	Sơ đồ phương án Mạng lưới cấp điện; Thông tin và truyền thông; Hạ tầng, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú cho tàu cá	1:25.000
5	Bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
6	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:25.000